

Số: 620/QĐ-ĐHXDMT

Vĩnh Long, ngày 24 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định
Chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Xây dựng Miền Tây

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

Căn cứ Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Xây dựng Miền Tây;

Căn cứ Quyết định số 1438/QĐ-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây;

Căn cứ Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐTr ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Tây về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Xây dựng Miền Tây;

Theo đề nghị Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 379/QĐ-ĐHXDMT ngày 20/07/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Tây ban hành “Quy định Chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Xây dựng Miền Tây”.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:

“1. Tất cả hoạt động thực hiện theo nhiệm vụ của giảng viên được quy định theo nhóm công việc như sau:

TT	Nội dung công việc	Giờ chuẩn	Ghi chú
1	Một tiết giảng lý thuyết trên lớp theo tín chỉ cho trình độ đại học (bao gồm GDTC, QP-AN)		
	- Lớp đến 40 sinh viên	1,0	

TT	Nội dung công việc	Giờ chuẩn	Ghi chú
	- Lớp từ 41 đến 50 sinh viên	1,1	
	- Lớp từ 51 đến 60 sinh viên	1,2	
	- Lớp từ 61 đến 70 sinh viên	1,3	
	- Lớp từ 71 đến 80 sinh viên	1,4	
	- Lớp từ 81 sinh viên trở lên	1,5	
2	Một tiết giảng bằng tiếng nước ngoài đối với môn học không phải là môn ngoại ngữ		
	- Năm đầu tiên	2,0	
	- Từ năm thứ 2 trở đi	1,5	
3	Các học phần Lý thuyết + thực hành; hướng dẫn thực hành, thực tập các môn học; đề án môn học (<i>Đối với các lớp học phần có < 15 sinh viên được tính như lớp 15 sinh viên</i>). <i>Ví dụ: Học phần 2(1,1) $\approx$ 2(15,30) có 35 SV đăng ký, số giờ chuẩn được tính như sau:</i> $15(LT) + 0,7*35 = 39,5$ giờ chuẩn.	0,7/SV	
4	Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp đại học, thạc sĩ	1,4/SV(HV)	
5	Một tiết giảng chuyên đề, lý thuyết cho trình độ thạc sĩ	1,2	
6	Hướng dẫn thực hành, thực tập các môn học, Đề án môn học trình độ thạc sĩ	1,2/HV	
7	Hướng dẫn khóa luận/đề án tốt nghiệp đại học	20/SV	
8	Hướng dẫn đề án tốt nghiệp thạc sĩ	25/HV	
9	Báo cáo chuyên đề/chuyên đề	6,0	
10	Công tác đánh giá thi, gồm:		
	- Đề thi tốt nghiệp (kèm đáp án)	5,0/đề	
	- Đề thi tự luận, trắc nghiệm (kèm đáp án)	2,0/đề	
	- Nghiệm thu ngân hàng đề thi (từ 10 đề trở lên)		
	+ Trưởng ban	3,5/môn	
	+ Phản biện	3,5/môn	
	+ Ủy viên	2,5/môn	



TT	Nội dung công việc	Giờ chuẩn	Ghi chú
	+ Thư ký	1,0/môn	
	- Còi thi: + Thời gian: ≤ 90 phút	1,0/môn	
	+ 90 phút < Thời gian ≤ 120 phút	1,5/môn	
	+ Thời gian: > 120 phút	2,0/môn	
	Coi thi các lớp ngoài trường	hệ số 1,2	
	- Chấm thi tự luận (chấm 2 vòng)	(1/6)/bài	
	- Chấm thi trắc nghiệm (chấm 2 vòng)	(1/10)/bài	
11	Hội đồng tốt nghiệp (đại học, thạc sĩ) /20 (SV, HV)		
	- Chủ tịch	3,0	
	- Phó chủ tịch	1,5	
	- Ủy viên thường trực/Ủy viên thư ký	1,0	
	- Ủy viên	0,5	
12	Xét duyệt khóa luận, đề án tốt nghiệp đại học	0,25/SV	
13	Phản biện khóa luận, đề án tốt nghiệp đại học	4,0/SV	
14	Ban đánh giá khóa luận, đề án tốt nghiệp đại học		
	+ Trưởng ban	1,0/SV	
	+ Ủy viên Thư ký	0,8/SV	
	+ Ủy viên	0,7/SV	
15	Ban đánh giá đề cương/tiến độ, đề án tốt nghiệp trình độ thạc sĩ		
15.1	Ban đánh giá kết quả đề án tốt nghiệp thạc sĩ		
	+ Trưởng ban	4,2/HV	
	+ Ủy viên Phản biện	3,6/HV	
	+ Ủy viên Thư ký	3,3/HV	
	+ Ủy viên	3,0/HV	
15.2	Ban đánh giá đề cương/tiến độ đề án tốt nghiệp trình độ thạc sĩ		
	+ Trưởng ban	1,0/HV	
	+ Ủy viên Thư ký	0,8/HV	
	+ Ủy viên	0,7/HV	

TT	Nội dung công việc	Giờ chuẩn	Ghi chú
15.3	Trường hợp học viên đề nghị thành lập hội đồng đánh giá, giờ chuẩn được tính nhân hệ số 2.		
16	Ban Quản lý lớp thạc sĩ (52,5 giờ/20SV/năm)	Hệ số	
	+ Trưởng ban	1,0	
	+ Phó ban	0,8	
	+ Ủy viên	0,7	

2. Các lớp dưới 15 sinh viên được tính 50% số giờ giảng quy định (trường hợp số giờ quy đổi thấp hơn 15 giờ thì được tính bằng 15 giờ)

3. Sinh hoạt tuần chính trị đầu khóa: Giờ chuẩn như giờ giảng dạy chính khóa cho giảng viên và giảng viên làm công tác quản lý tham gia giảng dạy.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 16 như sau:

“4. Giảng viên giảng dạy các lớp liên kết, các lớp dạy nghề ngắn hạn tổ chức ở ngoài trường dạy vào thứ bảy, chủ nhật; các lớp bậc đại học trong trường dạy ngày chủ nhật được tính nhân với **hệ số 1,2.**”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thay thế Quyết định 155/QĐ-ĐHXDMT ngày 26/3/2025 của Hiệu trưởng Nhà trường, áp dụng cho công tác tính giờ từ học kỳ II, năm học 2025-2026.

Điều 3. Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Muoi*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Website;
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Xuân